

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17-5-2018
Vv: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thọ.
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Thành là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Cang – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 412/2017/TLST-HNGĐ ngày 15/11/2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/3/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26/4/2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương N, sinh năm 1977; địa chỉ: Số X đường C, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Bị đơn: Anh Ma Thanh Q, sinh năm: 1975; địa chỉ: Số X đường C, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương N trình bày:

Sau một thời gian dài quen biết chị N và anh Ma Thanh Q tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới vào ngày 05/11/2005, nhưng không được sự bằng lòng của cha mẹ chị N. Sau khi đám cưới chị N hối thúc đăng ký kết hôn, nhưng anh Q lấy lý do này, lý do nọ để trì hoãn việc đăng ký kết hôn. Ngày 28/7/2007, chị N sinh cháu Ma Nguyễn Ngọc M, nhưng do chưa đăng ký kết hôn

nên không khai sinh được cho con. Vì vậy, đến ngày 17/01/2008, anh Q mới đồng ý đi đăng ký kết hôn để khai sinh cho con.

Khi mới cưới vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nóng giận anh Q hay đánh chị N, lúc chưa có con chị N không dám về nhà ba mẹ ruột vì đã cãi lời để đến với anh Q, tới đến đi lang thang và cuối cùng cũng phải quay về nhà vì không biết phải đi đâu. Đến khi có con chị N vẫn bị đánh, khi con được 7 tháng tuổi một lần chị N ẵm con về nhà thì ba mẹ mới biết, ở nhà ba mẹ ruột được hơn một tuần, anh Q mới sang to nhỏ để đưa chị về.

Sau khi trở về vợ chồng tiếp tục cãi vã, gây gổ với nhau một lần nữa chị N phải gọi điện thoại cho ba mình đến để giải quyết, kể từ đó anh Q không còn đánh đập chị N nữa mà nói một câu là “em lý hơn anh tưởng”.

Anh Q sống không có trách nhiệm với vợ con, chưa bao giờ chăm sóc con, nhắc đến thì nói “tại anh phụ em mà em cứ bảo thôi”, vì mỗi lần anh Q phụ giúp chăm con là có chuyện, con bệnh thì cần nhân viên chăm sóc.

Năm 2014, chị N định dứt khoát chia tay vì quá mệt mỏi, chán nản, nên làm đơn xin ly hôn, anh Q đã ký và thách thức chị N nộp, nhưng con còn quá nhỏ và nghĩ nếu ly hôn thì tội nghiệp cho con nên im lặng, tiếp tục chịu đựng và nói với chồng “tôi sống với anh đến giờ phút này là vì con, chứ với anh tôi chẳng còn chút tình cảm nào”.

Sống với nhau mà không có tình yêu thương cho dù chị N có cố gắng mấy thì cũng bằng không, suốt 12 năm trời níu kéo, nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Xác định không còn tình cảm với anh Q, nếu tiếp tục kéo dài cuộc sống chung cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Về con: Có hai con chung là cháu Ma Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 28/7/2007 và cháu Ma Ngọc Thanh M, sinh ngày 13/10/2012. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng/cháu cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tuy nhiên, đến ngày 23/3/2018 chị N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ma Thanh Q đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì.

Qua xác minh hiện nay anh Q đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà X đường C, tổ 3, khu phố 6, phường L, thành phố B và hiện nay vẫn sinh sống tại địa phương. Về nguyên nhân mâu thuẫn không rõ, nhưng từ tháng 9/2017, chị N về bên nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Q và xin rút phần yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập đầy đủ chứng cứ.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng:

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng; bị đơn vắng mặt trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa là chưa chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Anh Q, chị N tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống có hai con chung, nhưng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đã một thời gian dài sống ly thân không hàn gắn được, cho thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện và đình chỉ việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Chị N có đơn xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Q được xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hiện nay anh Q đang sinh sống tại thành phố Bà Rịa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Trong quá trình tố tụng, chị N rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Anh Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.] Về quan hệ hôn nhân: Anh Q, chị N tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Q, chị Ngọc chung sống với nhau vào năm 2005, nhưng đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống nhưng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q nóng tính, không quan tâm chăm sóc vợ con. Để anh Q có trách nhiệm hơn với vợ con, chị N nhiều lần làm đơn xin ly hôn là bấy nhiêu lần anh Q ký và thách thức nộp, nhưng con còn nhỏ nên chị N im lặng, tiếp tục chịu đựng. Năm 2016, anh Q có mối quan hệ với người phụ nữ khác, chị N phát hiện thì anh Q tiếp tục thách thức, trong khi chị N cố níu kéo để con có đầy đủ cha mẹ.

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay anh Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn cố tình vắng mặt, cho thấy anh Q không có thiện chí hòa giải đoàn tụ mà bỏ mặc cho mâu thuẫn đến đâu thì đến.

Qua xác minh tại địa phương thì từ tháng 9/2017, chị N về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay, cho thấy mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh Q là có thật đúng như lời trình bày của chị N. Vợ chồng chung sống với nhau mà không có sự đồng cảm, quan tâm, chia sẻ buồn vui, không tôn trọng nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[3.2] Về con: Có hai con chung là cháu Ma Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 28/7/2007 và Ma Ngọc Thanh M, sinh ngày 13/10/2012. Theo nguyện vọng của cháu Ma Nguyễn Ngọc M được ở với mẹ và chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Trường hợp có tranh chấp về việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung thì các bên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí hôn ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương N về việc yêu cầu anh Ma Thanh Q cấp dưỡng nuôi con.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương N về việc xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với anh Ma Thanh Q.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương N được ly hôn với anh Ma Thanh Q.

Về con: Giao cháu Ma Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 28/7/2007 và cháu Ma Ngọc Thanh M, sinh ngày 13/10/2012 cho chị Nguyễn Thị Phương N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Phương N về việc không yêu cầu anh Ma Thanh Q cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương N phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: TU/2016/0007515 ngày 15/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 17/5/2018, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- CCTHA dân sự thành phố Bà Rịa;
- UBND phường P.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu ...

Võ Hoàng Đức